

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

\*\*\*\*\*

Số: 84 /2020/MHC

V/v: "BCTC 06 tháng đầu năm 2020 đã soát xét  
- Công ty mẹ và CV giải trình"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP HCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 đã soát xét - Công ty mẹ và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2020 tại đường dẫn [www.marinahanoi.com](http://www.marinahanoi.com).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC 06 tháng đầu năm 2020 đã soát xét - Công ty mẹ;
- Công văn giải trình số 84/2020/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Huy Quảng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết  
thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 37, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**PHẠM BA HUY**

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2020



Số: 019/2020/BCSX-HT.00051

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần MHC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/8/2020, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần MHC cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số 1673-2018-009-1

**Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2020

019/2020/BCSX-HT.00051  
007  
NG  
Đ P  
H  
UNG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>476.575.384.463</b>	<b>530.253.894.021</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>4.732.635.353</b>	<b>3.345.628.697</b>
Tiền	111		4.732.635.353	1.845.628.697
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>288.749.176.591</b>	<b>363.165.772.546</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		313.483.492.719	372.481.981.452
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(24.734.316.128)	(9.316.208.906)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>183.059.913.916</b>	<b>162.538.810.540</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.213.207.722	5.195.005.956
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		457.300.000	255.850.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	74.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	181.905.589.213	87.604.137.603
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.516.183.019)	(4.516.183.019)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>-</b>	<b>459.000</b>
Hàng tồn kho	141		-	459.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.658.603</b>	<b>1.203.223.238</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	3.658.603	45.345.243
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	583.805.842
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	30.000.000	574.072.153
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>128.974.322.414</b>	<b>160.860.414.013</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>151.349.850</b>	<b>151.349.850</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	151.349.850	151.349.850
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>318.924.908</b>	<b>387.533.282</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	318.924.908	387.533.282
- Nguyên giá	222		1.109.534.463	1.109.534.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(790.609.555)	(722.001.181)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.9	<b>-</b>	<b>24.236.776.427</b>
- Nguyên giá	231		-	38.530.325.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(14.293.549.343)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>128.504.047.656</b>	<b>136.084.754.454</b>
Đầu tư vào công ty con	251		125.350.000.000	125.350.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.437.000.000	4.437.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.950.000.000	10.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.232.952.344)	(3.702.245.546)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>605.549.706.877</b>	<b>691.114.308.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>164.296.838.132</b>	<b>173.290.483.746</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.296.838.132</b>	<b>173.156.759.792</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.011.569.860	3.957.148.920
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	866.827.292	5.084.236.402
Phải trả người lao động	314		606.404.682	987.884.003
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	810.285.311	984.067.188
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	11.272.726
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.062.925.065	25.052.501.242
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	152.393.883.324	134.415.102.713
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.544.942.598	2.664.546.598
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>133.723.954</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	133.723.954
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>441.252.868.745</b>	<b>517.823.824.288</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>441.252.868.745</b>	<b>517.823.824.288</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		414.069.640.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.069.640.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.142.376.965)	66.428.578.578
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.428.578.578	48.849.588.219
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(76.570.955.543)	17.578.990.359
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>605.549.706.877</b>	<b>691.114.308.034</b>

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>2.160.647.346</b>	<b>2.884.052.904</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.160.647.346</b>	<b>2.884.052.904</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.921.487.017	2.469.380.261
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>239.160.329</b>	<b>414.672.643</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.509.093.000	18.915.237.763
Chi phí tài chính	22	6.4	78.561.084.519	15.738.724.068
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	8.909.412.695	11.331.359.084
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	3.684.898.127	2.170.477.248
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(77.497.729.317)</b>	<b>1.420.709.090</b>
Thu nhập khác	31	6.5	1.208.904.717	2.495.517.554
Chi phí khác	32	6.6	40.350.000	144.959.053
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.168.554.717	2.350.558.501
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(76.329.174.600)</b>	<b>3.771.267.591</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	241.780.943	454.253.518
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(76.570.955.543)</b>	<b>3.317.014.073</b>

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị




PHẠM BÁ HUY

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(76.329.174.600)	3.771.267.591
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		664.289.518	834.386.666
Các khoản dự phòng	03		23.948.814.020	(3.754.104.772)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.129.026	18.059.900
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.676.912.121)	(9.479.280.323)
Chi phí lãi vay	06		8.909.412.695	11.331.359.084
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(48.479.441.462)</b>	<b>2.721.688.146</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		1.641.603.202	14.087.004.434
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		459.000	1.460.167
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(21.592.827.001)	(130.320.877)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		41.686.640	179.740.134
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		58.998.488.733	56.847.688.475
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.109.339.845)	(16.475.779.054)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.331.849.017)	(4.881.398.256)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(89.104.000)	(164.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(23.920.323.750)</b>	<b>52.185.983.169</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		24.850.000.000	1.371.041.698
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(159.640.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		138.081.165.209	20.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(950.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.987.378.255	7.123.742.245
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.328.543.464</b>	<b>28.494.783.943</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà  
Trung, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và kết  
thúc ngày 30/6/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	565.213.363.386	326.320.610.515
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(547.234.582.775)	(405.838.530.170)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.978.780.611</b>	<b>(79.517.919.655)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.387.000.325</b>	<b>1.162.847.457</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.331	10.553
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>4.732.635.353</b>	<b>2.992.424.064</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2020 là 11 người (tại ngày 01/01/2020 là: 16 người).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**Các công ty con tại ngày 30/6/2020, bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	100,00%	Đầu tư tài chính
3	Công ty Cổ phần MHC Land (*)	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

(\*) Công ty Cổ phần MHC Land được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0109231943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/6/2020.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần MHC Land chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty đang trong giai đoạn nhận vốn góp từ các cổ đông theo số cổ phần cổ đông đã đăng ký.

**Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2020, bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	45,05%	45,05%	Dịch vụ kinh doanh bất động sản

(\*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con"

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019, và báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Công ty liên doanh** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

**4.7 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

**4.8 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.9 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

**4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu:** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**Cổ phiếu quỹ:**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14 Doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.15 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

**4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**4.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và không trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	114.441.556	28.908.171
Tiền gửi ngân hàng	4.618.193.797	1.816.720.526
Các khoản tương đương tiền	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.732.635.353</u></b>	<b><u>3.345.628.697</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- <b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>313.483.492.719</b>	<b>298.576.712.925</b>	<b>268.494.736.956</b>	<b>260.399.224.350</b>
+ Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	265.982.790.673	247.745.655.300	220.404.720.826	220.219.312.050
+ Giá trị cổ phiếu khác	47.500.702.046	50.831.057.625	48.090.016.130	40.179.912.300
- <b>Tổng giá trị trái phiếu</b>	-	-	<b>103.987.244.496</b>	(185.408.776)
+ Trái phiếu Công ty TNHH Thiết Bị và Xây Lắp Huy Hoàng	-	-	75.744.721.462	(**)
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ và giáo dục Hải An	-	-	17.226.835.807	(**)
+ Trái phiếu Công ty CP Đầu Tư Nước Sạch và Môi Trường ECO&MORE	-	-	11.015.687.227	(**)
<b>Cộng</b>	<b>313.483.492.719</b>	<b>298.576.712.925</b>	<b>372.481.981.452</b>	<b>260.399.224.350</b>
		<b>(24.734.316.128)</b>		<b>(9.316.208.906)</b>

(\*\*) Do trái phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty chưa thể thuyết minh được giá trị hợp lý

**Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:**

Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	VND
	(9.316.208.906)
	(80.068.679.224)
	23.445.834.206
	41.204.737.796
<b>Số dư cuối Kỳ</b>	<b>(24.734.316.128)</b>

Số dư đầu kỳ  
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ  
Hoàn nhập dự phòng  
Sử dụng dự phòng trong kỳ  
**Số dư cuối Kỳ**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	<b>125.350.000.000</b>	<b>(8.863.098.546)</b>		<b>125.350.000.000</b>	-	
+ Công ty TNHH Đầu tư Marina	110.350.000.000	(8.863.098.546)	(**)	110.350.000.000	-	(**)
+ Công ty TNHH MTV Vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	15.000.000.000	-	(**)	15.000.000.000	-	(**)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<b>4.437.000.000</b>	<b>(3.369.853.798)</b>		<b>4.437.000.000</b>	<b>(3.702.245.546)</b>	
+ Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	2.703.000.000	(2.418.171.899)	(**)	2.703.000.000	(2.034.946.035)	(**)
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	(951.681.899)	(**)	1.734.000.000	(1.667.299.511)	(**)
- Đầu tư vào đơn vị khác	<b>10.950.000.000</b>	-		<b>10.000.000.000</b>	-	
+ Công ty cổ phần giải trí và truyền thông MHC	950.000.000	-	(**)	-	-	(**)
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(**)	10.000.000.000	-	(**)
<b>Cộng</b>	<b>140.737.000.000</b>	<b>(12.232.952.344)</b>		<b>139.787.000.000</b>	<b>(3.702.245.546)</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	VND
Số dư đầu kỳ	(3.702.245.546)	
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(9.246.324.410)	
Hoàn nhập dự phòng	715.617.612	
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(12.232.952.344)</b>	

- (\*\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- Thông tin chi tiết về các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.
  - Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và Công ty con, Công ty liên doanh liên kết (xem tại thuyết minh số 8.2)

**5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	4.516.183.019	4.516.183.019
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	697.024.703	678.822.937
<b>Cộng</b>	<b>5.213.207.722</b>	<b>5.195.005.956</b>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
+ Công ty TNHH MTV Vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	-	4.068.335
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.068.335</b>

**5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
+ Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn	-	74.000.000.000
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>74.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.5. Phải thu khác**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
+ Phải thu người lao động	281.963.636	-	671.950.000	-
+ Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	34.850.000	-
+ Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	181.271.163.558	-	84.200.000.000	-
+ Lãi trái phiếu, tiền gửi, tiền cho vay và lợi nhuận được chia	256.076.389	-	2.592.564.592	-
+ Phải thu khác	76.385.630	-	104.773.011	-
<b>Cộng</b>	<b>181.905.589.213</b>	<b>-</b>	<b>87.604.137.603</b>	<b>-</b>
	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	151.349.850	-	151.349.850	-
<b>Cộng</b>	<b>151.349.850</b>	<b>-</b>	<b>151.349.850</b>	<b>-</b>

**5.6. Nợ xấu**

	30/6/2020			01/01/2020		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	Trên 3 năm	4.516.183.019	-	Trên 3 năm	4.516.183.019	-
		<b>4.516.183.019</b>	<b>-</b>		<b>4.516.183.019</b>	<b>-</b>

**Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	(4.516.183.019)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(4.516.183.019)</b>

**5.7. Hàng tồn kho**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	459.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>459.000</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận	Thiết bị dụng	Tổng cộng
	tài, truyền dẫn	cụ quản lý	
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>977.976.364</b>	<b>131.558.099</b>	<b>1.109.534.463</b>
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>977.976.364</b>	<b>131.558.099</b>	<b>1.109.534.463</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>631.609.748</b>	<b>90.391.433</b>	<b>722.001.181</b>
Khấu hao trong kỳ	61.123.524	7.484.850	68.608.374
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>692.733.272</b>	<b>97.876.283</b>	<b>790.609.555</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>346.366.616</b>	<b>41.166.666</b>	<b>387.533.282</b>
<b>Tại ngày 30/6/2020</b>	<b>285.243.092</b>	<b>33.681.816</b>	<b>318.924.908</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.649.008 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>	<b>38.530.325.770</b>	-	<b>38.530.325.770</b>	-
- Nhà	38.530.325.770	-	38.530.325.770	-
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>				
- Nhà	14.293.549.343	595.681.144	14.889.230.487	-
+ Khấu hao trong năm		595.681.144	-	
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>24.236.776.427</b>			-
- Nhà	24.236.776.427			-

**5.10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Các khoản khác	3.658.603	45.345.243
<b>Cộng</b>	<b>3.658.603</b>	<b>45.345.243</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà  
 Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/6/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn (*)	152.393.883.324	152.393.883.324	565.213.363.386	547.234.582.775	134.415.102.713	134.415.102.713
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>152.393.883.324</b>	<b>152.393.883.324</b>	<b>565.213.363.386</b>	<b>547.234.582.775</b>	<b>134.415.102.713</b>	<b>134.415.102.713</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

## (\*) Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	4.757.985.422	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	-	3.017.158.613
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	21.997.610.653	51.859.643.537
+ Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt	2.184.026.789	-
+ Công ty TNHH Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)	123.454.260.460	79.538.300.563
<b>Cộng</b>	<b><u>152.393.883.324</u></b>	<b><u>134.415.102.713</u></b>

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>30/6/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ ISS Machinery Sevices	479.299.378	479.299.378	476.426.411	476.426.411
+ Phải trả cho các đối tượng khác	2.138.303.125	2.138.303.125	2.086.755.152	2.086.755.152
<b>Cộng</b>	<b><u>4.011.569.860</u></b>	<b><u>4.011.569.860</u></b>	<b><u>3.957.148.920</u></b>	<b><u>3.957.148.920</u></b>

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

## a) Phải nộp

	<u>01/01/2020</u>	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	<u>30/6/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.295.320.369	500.000.000	795.320.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.060.068.074	241.780.943	5.301.849.017	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.168.328	148.213.202	100.874.607	71.506.923
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.676.418	39.676.418	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.084.236.402</u></b>	<b><u>1.727.990.932</u></b>	<b><u>5.945.400.042</u></b>	<b><u>866.827.292</u></b>

## b) Phải thu

	<u>01/01/2020</u>	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	<u>30/6/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	574.072.153	-	-
Thuế thu nhập DN	-	-	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>574.072.153</u></b>	<b><u>574.072.153</u></b>	<b><u>30.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	170.265.805	370.192.955
Chi phí thuê văn phòng	102.342.045	-
Các khoản trích trước khác	537.677.461	613.874.233
<b>Cộng</b>	<b><u>810.285.311</u></b>	<b><u>984.067.188</u></b>

**5.15. Phải trả khác**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	44.120.937	20.471.308
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	22.000.000.000
+ Cổ tức phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
+ Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.970.978	493.196.784
<b>Cộng</b>	<b><u>3.062.925.065</u></b>	<b><u>25.052.501.242</u></b>

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	133.723.954
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>133.723.954</u></b>

**5.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	-	11.272.726
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.272.726</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà  
 Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>376.438.960.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>87.330.268.219</b>	<b>501.094.833.929</b>	
Tăng vốn trong năm trước	37.630.680.000	-	-	-	-	37.630.680.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.578.990.359	17.578.990.359	
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ HDQT	-	-	-	-	(37.630.680.000)	(37.630.680.000)	
Giảm khác	-	-	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)	
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>414.069.640.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>66.428.578.578</b>	<b>517.823.824.288</b>	
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(76.570.955.543)	(76.570.955.543)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>414.069.640.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>(10.142.376.965)</b>	<b>441.252.868.745</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
<b>Cộng</b>	<b><u>414.069.640.000</u></b>	<b><u>414.069.640.000</u></b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2020</u>	<u>Từ 01/01/2020</u>
	<u>đến 30/6/2020</u>	<u>đến 30/6/2020</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	376.438.960.000
+ Vốn góp đầu kỳ	414.069.640.000	376.438.960.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	414.069.640.000	376.438.960.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>30/6/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/6/2020:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		01/01/2020	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	105,53	2.456.738	105,53	2.450.407

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tên công ty	Nguyên nhân	30/6/2020		01/01/2020	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ đọng lâu ngày	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ đọng lâu ngày	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ đọng lâu ngày	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ ACHIEVER	Nợ đọng lâu ngày	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVТ Quyết Tiến	Nợ đọng lâu ngày	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH HH Wallem Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VTH công nghệ cao	Nợ đọng lâu ngày	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ OCEAN PARK	Nợ đọng lâu ngày	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đền hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ đọng lâu ngày	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Bùi Tiến Học	Nợ đọng lâu ngày	2020	25.500.000		-
+ Các khoản công nợ nó đòi khác	Nợ đọng lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
<b>Cộng</b>			<b>7.279.858.899</b>		<b>7.254.358.899</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.160.647.346	2.884.052.904
+ <i>Dịch vụ vận tải</i>	-	9.062.774
+ <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	2.160.647.346	2.874.990.130
<b>Cộng</b>	<b>2.160.647.346</b>	<b>2.884.052.904</b>
	VND	VND
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ	-	220.230.510
Hàng hải Hải Phòng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>220.230.510</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.921.487.017	2.567.430.802
+ <i>Dịch vụ vận tải</i>	-	-
+ <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	1.921.487.017	2.567.430.802
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	(98.050.541)
<b>Cộng</b>	<b>1.921.487.017</b>	<b>2.469.380.261</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.453.479.404	1.613.092.922
Lãi bán các khoản đầu tư	41.085.596	15.802.144.841
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.014.528.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.509.093.000</b>	<b>18.915.237.763</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.909.412.695	11.331.359.084
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	45.698.728.778	8.115.399.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.129.026	18.059.900
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	89.315.003.634	5.136.478.425
Chi phí tài chính khác	-	28.010.453
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(65.366.189.614)	(8.890.583.197)
<b>Cộng</b>	<b>78.561.084.519</b>	<b>15.738.724.068</b>

**6.5. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.208.904.717	-
Tiền phạt thu được	-	2.492.153.425
Các khoản khác	-	3.364.129
<b>Cộng</b>	<b>1.208.904.717</b>	<b>2.495.517.554</b>

**6.6. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	138.489.060
Các khoản bị phạt	14.850.000	6.469.993
Các khoản khác	25.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>40.350.000</b>	<b>144.959.053</b>

**6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.472.258.075	1.294.349.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	288.961.890	60.929.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.608.374	64.965.188
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.284.785	528.103.547
Chi phí bằng tiền khác	608.785.003	219.129.279
<b>Cộng</b>	<b>3.684.898.127</b>	<b>2.170.477.248</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	300.031.890	136.649.940
Chi phí nhân công	1.853.158.897	1.826.485.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.289.518	834.386.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.163.361.044	1.373.773.607
Chi phí khác bằng tiền	625.543.795	468.562.155
<b>Cộng</b>	<b>5.606.385.144</b>	<b>4.639.857.509</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
		VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i)	241.780.943	454.253.518
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		<b>241.780.943</b>	<b>454.253.518</b>
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
		VND	VND
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh		-	454.253.518
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		241.780.943	-
<b>Thuế TNDN phải trả hiện hành</b>		<b>241.780.943</b>	<b>454.253.518</b>

**6.10. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	565.213.363.386	326.320.610.515
<b>Cộng</b>	<b><u>565.213.363.386</u></b>	<b><u>326.320.610.515</u></b>

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	100.000.000.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	-
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	547.234.582.775	305.838.530.170
<b>Cộng</b>	<b><u>547.234.582.775</u></b>	<b><u>405.838.530.170</u></b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty TNHH Đầu tư Marina (Công ty con) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107344765 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/7/2020. Theo đó, thông tin về tên Công ty, hình thức sở hữu vốn và địa chỉ đã được thay đổi như sau:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư MHC;

- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần;

- Địa chỉ: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

\*\*\*\*\*

Số: 22/2020/MHC

V/v: "Giải trình BCTC 06 tháng đầu năm 2020  
đã soát xét – Cty mẹ"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi** : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC – Mã giao dịch MHC trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC 06 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét của Công ty mẹ như sau:

**Giải trình kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020:**

- |  |                      |
|--|----------------------|
| - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: | 2.160.647.346 VND    |
| - Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2020:        | - 76.570.955.543 VND |
| - Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2019         | 3.317.014.073 VND    |

**Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 của Công ty:**

=> Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm ngoái là do doanh thu hoạt động tài chính giảm đồng thời chi phí hoạt động tài chính tăng từ các hoạt động đầu tư.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Phạm Bá Huy*